

Số: 70 /TB-TT.KTCNQ

Cà Mau, ngày 30 tháng 12 năm 2024

## THÔNG BÁO

Về kết quả quan trắc nước dưới đất đợt 2 năm 2024 của  
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/05/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ.TN&MT ngày 16/04/2008 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường;

Căn cứ Giấy phép số 20/GP-UBND ngày 27/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cho phép Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Minh Cường được khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Giấy phép số 01/GPMT-UBND ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Cấp phép cho Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất nhập khẩu Minh Cường được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

Căn cứ Hợp đồng số 11/2024/HĐTV-MT ngày 08/03/2024 giữa Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường với Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, về việc lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024; Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép khai thác nước dưới đất năm 2024.





Trên cơ sở kết quả phân tích mẫu nước dưới đất đợt 2 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường, Trung tâm thông báo kết quả quan trắc nước dưới đất đợt 2 năm 2024 như sau:

1. **Tên công ty:** Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường.

2. **Địa chỉ:** Ấp 3, xã Tác Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. **Kết quả phân tích mẫu nước dưới đất:**

| Ký hiệu điểm quan trắc | Chỉ tiêu                             | Đơn vị tính | Kết quả mẫu (24.8368.NDD.02) | QCVN 09:2023/BTNMT |
|------------------------|--------------------------------------|-------------|------------------------------|--------------------|
| NDD                    | pH                                   | -           | 7,97                         | 5,8 – 8,5          |
|                        | Chỉ số Pecmanganat                   | mg/l        | KPH<br>(MDL=0,2)             | 4                  |
|                        | Độ cứng tổng số                      | mg/l        | 124                          | 500                |
|                        | Tổng chất rắn hòa tan (TDS)          | mg/l        | 626                          | 1.500              |
|                        | Amoni ( $\text{NH}_4^+$ tính theo N) | mg/l        | 0,15                         | 1                  |
|                        | Nitrit ( $\text{NO}_2$ tính theo N)  | mg/l        | 1,73*                        | 1                  |
|                        | Sulfat ( $\text{SO}_4^{2-}$ )        | mg/l        | 117                          | 400                |
|                        | Sắt (Fe)                             | mg/l        | KPH<br>(MDL=0,02)            | 5                  |
|                        | Clorua ( $\text{Cl}^-$ )             | mg/l        | 108                          | 250                |
|                        | E. Coli                              | MPN/100ml   | 40*                          | KPH                |
|                        | Coliforms                            | MPN/100ml   | 300*                         | 3                  |

Ghi chú:

- 24.8368.NDD.02: Nước dưới đất tại vị trí giếng khoan của Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường

- KPH: Không phát hiện.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích của PTN.

- (\*): Chỉ tiêu vượt so với QCVN 09:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước dưới đất.

- QCVN 09:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước dưới đất.

Nhận xét:



Kết quả phân tích mẫu nước dưới đất của Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường đợt 2 năm 2024 đa số đều nằm trong quy chuẩn cho phép, tuy nhiên có 03/11 chỉ tiêu vượt giới hạn quy chuẩn cho phép, cụ thể là chỉ tiêu Nitrit vượt 1,73 lần; chỉ tiêu E.Coli vượt 40 lần; chỉ tiêu Coliforms: vượt 100 lần so với QCVN 09:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước dưới đất.

#### 4. Kết luận:

Theo kết quả phân tích và đánh giá, chất lượng nước dưới đất tại Công ty cho thấy: có 03/11 chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép (chỉ tiêu Nitrit vượt 1,73 lần; chỉ tiêu E.Coli vượt 40 lần; chỉ tiêu Coliforms: vượt 100 lần) so với QCVN 09:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước dưới đất. Qua đó đề nghị Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường kiểm tra hệ thống xử lý nước - nước dưới đất để có phương án vận hành phù hợp đảm bảo đạt quy chuẩn.

Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản xuất nhập khẩu Minh Cường được biết./.

#### Nơi nhận:

- Công ty CP CBTS XNK Minh Cường;
- Giám đốc TT (Báo cáo);
- Lưu: VT, P.TV-DV (N.Linh).



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Hải







## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CBTS XNK MINH CƯỜNG
- Địa chỉ : Ấp 3, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Nước dưới đất
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 17/11/2024
- Ngày trả kết quả : 28/11/2024
- Kết quả thử nghiệm:

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị tính | Kết quả<br>24.8368.NDD.02 | Phương pháp thử nghiệm  |
|----|---------------------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------|
| 01 | pH                                    | -           | 7,97                      | TCVN 6492:2011          |
| 02 | Chi số Pemanganat                     | mg/L        | KPH<br>(MDL = 0,2)        | TCVN 6186:1996          |
| 03 | Tổng chất rắn hòa tan<br>(TDS)        | mg/L        | 626                       | HDCV/ĐN-H19             |
| 04 | Độ cứng tổng số                       | mg/L        | 124                       | TCVN 6224:1996          |
| 05 | Amoni ( $\text{NH}_4^+$ tính theo N)  | mg/L        | 0,15                      | SMEWW 4500-NH3.B&F:2017 |
| 06 | Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ tính theo N) | mg/L        | 1,73                      | SMEWW 4500-NO2-.B:2017  |
| 07 | Sulfat ( $\text{SO}_4^{2-}$ )         | mg/L        | 117                       | SMEWW 4500-SO42.E:2017  |
| 08 | Clorua ( $\text{Cl}^-$ )              | mg/L        | 108                       | TCVN 6194:1996          |
| 09 | Sắt (Fe)                              | mg/L        | KPH<br>(MDL = 0,02)       | SMEWW 3111B:2017        |
| 10 | Coliforms                             | CFU/100mL   | 300                       | TCVN 6187-1:2019        |
| 11 | E. Coli                               | CFU/100mL   | 40                        | TCVN 6187-1:2019        |

### Ghi chú:

- 24.8368.NDD.02: Nước dưới đất tại vị trí tại giếng khoan của Công ty Cổ phần CBTS XNK Minh Cường.
- "MDL": Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích; "KPH": Không phát hiện.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Kết quả thử nghiệm của phiếu kết quả này được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 292.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

TRƯỞNG PHÒNG QT&PT

*[Signature]*

*Nguyễn Hoàng Việt*



GIÁM ĐỐC

*Lê Quốc Hiếu*